

Bản án số: **32/2021/DS-ST**
Ngày: 28-10-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương
2. Bà Phạm Thị Bích Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLST-DS ngày 23/3/2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-DS ngày 06/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2021/QĐST-DS ngày 23/7/2021 và Thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 35/TB-TA ngày 07/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: số A, phố B, phường C, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thu H - Chức danh: Phó Phòng giao dịch G - Chi nhánh Đ, là đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 3993/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng giám đốc và Giấy ủy quyền số 353/GV/2020/QĐ-CNĐĐ ngày 30/9/2020 của Giám đốc Chi nhánh); Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn L; sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: số M phố B, phường C, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn khởi kiện, các Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S do người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 06/3/2017, anh Nguyễn Tuấn L đã ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng” hoặc “Sbank”) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây gọi chung là “Hợp đồng”).

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và thu nhập của anh L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-9160 cho anh L với mục đích tiêu dùng cá nhân với những thông tin: Hạn mức thẻ: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn); Ngày phát hành thẻ: 13/03/2017; Số thẻ: 472074-9160; Số tài khoản thẻ: 3949 502 508; Ngày chốt giao dịch hàng tháng: ngày 31 hàng tháng; Biện pháp bảo đảm: Không có.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 486.907.868 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng được 447.506.000 đồng. Tính đến hết kỳ tháng 6/2018, anh L còn dư nợ cuối kỳ chưa thanh toán cho Ngân hàng là 39.999.868 đồng. Từ kỳ tháng 7/2018 cho đến nay, anh L không thanh toán được khoản nào theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, đã vi phạm Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện nên Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng đối với anh L từ ngày 31/10/2018 và chuyển toàn bộ dư nợ chưa trả sang nợ quá hạn, đồng thời áp dụng lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với dư nợ gốc. Tính đến ngày 28/10/2021, anh Nguyễn Tuấn L còn chưa thanh toán số nợ gốc, lãi và phí phát sinh của Thẻ tín dụng trên như sau:

- (1) Tổng số tiền giao dịch chưa thanh toán: 39.999.868 đồng;
 - (2) Phí trễ hạn thanh toán: 1.664.351 đồng
 - (3) Lãi trong hạn: 3.873.796 đồng;
 - (4) Lãi quá hạn: 53.656.340 đồng.
 - (5) Phí vượt hạn mức: 253.659 đồng
- Tổng cộng: 99.595.692 đồng.

Mặc dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở anh L thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ quá hạn nhưng anh L đều không thực hiện. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc anh Nguyễn Tuấn L phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến ngày 28/10/2021 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-9160 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) gồm:

- Nợ gốc: 45.791.674 đồng (bao gồm: số tiền giao dịch chưa thanh toán 39.999.868 đồng, phí trễ hạn: 1.664.351 đồng, phí vượt hạn mức 253.659 đồng, lãi trong hạn 3.873.796 đồng);

- Nợ lãi quá hạn: 53.656.340 đồng;

Tổng cộng: 99.595.692 đồng.

2. Ông Nguyễn Tuấn L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/11/2021 cho đến trả hết khoản nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng.

[2] Đối với Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn L:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng cư trú của anh Nguyễn Tuấn L tại Công an phường C, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội thể hiện: anh Nguyễn Tuấn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số M phố B, phường C, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Trước đây anh L sinh sống tại địa chỉ trên nhưng từ năm 2014 đến nay anh L không còn sinh sống tại đây. Hiện nay anh L ở đâu Công an phường không biết. Do đó, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Tuấn L theo địa chỉ trên để anh L biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, đồng thời triệu tập anh L đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng anh L đều vắng mặt. Như vậy, anh L đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp và Tòa án thu thập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: việc Ngân hàng xác định toàn bộ dư nợ thẻ là 45.791.674 đồng, bao gồm số tiền giao dịch chưa thanh toán, các loại phí, lãi trong hạn để chuyển nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 1.9, Điều 1.31, Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện nên đề nghị Tòa án chấp nhận. Anh Nguyễn Tuấn L được niêm yết, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân quận Hai Bà Trưng đã tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Việc Ngân hàng và anh Nguyễn Tuấn L xác lập hợp đồng tín dụng gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản Điều khoản và Điều kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, anh L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với anh L và áp dụng lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc là phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên Ngân hàng xác định toàn bộ dư nợ thẻ bao gồm: số tiền giao dịch chưa thanh toán, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, lãi trong hạn là khoản nợ gốc quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn là không phù

hợp với Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước. Trong trường hợp này, cần xác định khoản nợ gốc là khoản giao dịch thẻ 39.999.868 đồng mà không phải là tổng dư nợ thẻ 45.791.674 đồng như Ngân hàng đã khởi kiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh L phải trả Ngân hàng số tiền: Nợ gốc 39.999.868 đồng, phí trễ hạn 1.664.351 đồng, phí vượt hạn mức 253.659 đồng, lãi trong hạn 3.873.796 đồng, lãi quá hạn 42.519.859 đồng. Anh L tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Về án phí: quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với anh Nguyễn Tuấn L, cư trú tại: số M phố B, phường C, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa:

Trong vụ án này, anh Nguyễn Tuấn L là bị đơn, không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với anh Nguyễn Tuấn L để tham gia phiên tòa nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

Ngày 06/3/2017, anh Nguyễn Tuấn L viết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng theo đó đề nghị Ngân hàng TMCP S cấp cho anh một thẻ tín dụng với hạn mức là 40.000.000 đồng. Trên cơ sở giấy đề nghị và căn cứ thu nhập của anh L, Ngân hàng đã cấp cho anh L thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-9160 với những nội dung sau: Hạn mức 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn); Ngày phát hành thẻ: 13/03/2017; Số thẻ: 472074-9160; Số tài khoản thẻ: 3949 502 508; Ngày chốt giao dịch hàng tháng: ngày 31 hàng tháng; Biện pháp bảo đảm: Không có; Mục đích tiêu dùng cá nhân.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, các bên thỏa thuận điều kiện phát hành, sử dụng thẻ được thực hiện theo Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, có hiệu lực từ 15/8/2016, thể hiện qua cam kết: *“Bằng việc ký vào mẫu đơn này, tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng và cùng với mẫu đơn này, tạo nên một hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Sbank có tính ràng buộc về mặt*

pháp lý giữa tôi/chúng và Sbank. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà tôi/chúng tôi đã được cấp". Như vậy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng với Bản Điều khoản và điều kiện tạo nên một hợp đồng tín dụng giữa anh Nguyễn Tuấn L và Ngân hàng TMCP S, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc phát hành và sử dụng thẻ.

Tại Bản Điều khoản và Điều kiện quy định các điều kiện sử dụng thẻ cơ bản như sau:

- Mục đích: chủ thẻ sử dụng thẻ vào mục đích tiêu dùng như giao dịch mua hàng hóa, rút tiền mặt trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với tổ chức phát hành thẻ và được bảo đảm bằng tín chấp (Điều 4, Điều 5);

- Lãi suất: là lãi theo thỏa thuận giữa đơn vị phát hành thẻ và chủ thẻ. Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (Điều 1.31, Điều 22, Điều 23);

- Về phí: Chủ thẻ còn phải trả các loại phí như: phí hàng năm, phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán...Chi tiết các loại phí được quy định trong Biểu phí của Sbank. Biểu phí là một phần không thể tách rời của Bản Điều khoản và Điều kiện. Chủ thẻ có thể tham khảo Biểu phí hiện hành tại trang web www.Sbank.com.vn hoặc tại bất kỳ Chi nhánh, phòng giao dịch nào của Sbank hoặc gọi điện cho Trung tâm dịch vụ khách hàng (Điều 24);

- Dư nợ: là tổng dư nợ trên thẻ bao gồm giao dịch đã bút toán, phí và tiền lãi đã phát sinh trên thẻ (Điều 1.11);

- Về vi phạm: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm; khi vi phạm xảy ra, Sbank sẽ chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi nợ, áp dụng lãi suất quá hạn (Điều 23);

Xét thấy: Việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản Điều khoản và Điều kiện như trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng (được sửa đổi bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016), nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền nợ gốc:

Theo Bản tóm tắt sao kê thẻ tín dụng thẻ của anh Nguyễn Tiến Long do Ngân hàng TMCP S xuất trình thể hiện:

- Từ kỳ tháng 3/2017 đến kỳ tháng 6/2018: Anh L đã thanh toán đầy đủ đối với các giao dịch phát sinh khi sử dụng thẻ tín dụng.

- Từ kỳ tháng 7/2018: Dư nợ kỳ trước chuyển sang là 39.999.868 đồng và anh L không thực hiện thêm giao dịch nào khác cho đến khi bị chấm dứt sử dụng thẻ. Do đó tổng số tiền giao dịch chưa thanh toán tính đến hết kỳ tháng 7/2018 là: 39.999.868 đồng.

- Từ kỳ tháng 7/2018 đến nay: anh L không thanh toán được bất kỳ một khoản nào theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, đã vi phạm bốn kỳ liên tiếp tính đến thời điểm Ngân hàng chấm dứt sử dụng thẻ.

Xét thấy việc anh L không thanh toán bốn kỳ liên tiếp đã vi phạm quy định tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện nên Ngân hàng TMCP S có quyền chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng đối với anh L và áp dụng lãi quá hạn đối với dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn. Tuy nhiên Ngân hàng xác định toàn bộ dư nợ thẻ là 45.791.674 đồng (bao gồm: số tiền giao dịch chưa thanh toán 39.999.868 đồng, phí trễ hạn: 1.664.351 đồng, phí vượt hạn mức 253.659 đồng, lãi trong hạn 3.873.796 đồng) là nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn từ ngày 30/11/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước về xác định dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn. Trong trường hợp này, anh L đã phát sinh giao dịch thẻ là 39.999.868 đồng, nên cần phải coi đây là số tiền nợ gốc để chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn, mà không phải là tổng dư nợ thẻ 45.791.674 đồng như Ngân hàng đã khởi kiện. Hơn nữa hạn mức của thẻ tín dụng là 40.000.000 đồng, tức là chủ thẻ chỉ được tiêu dùng không được vượt quá hạn mức thẻ được cấp. Do đó, căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc anh Long phải hoàn trả số tiền nợ gốc là 39.999.868 đồng.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi tiền lãi, các loại phí:

Theo Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng (được ban hành theo Quyết định 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng TMCP S), Ngân hàng áp dụng mức lãi suất cho vay đối với thẻ tín dụng là 2,15%/tháng, phí chậm thanh toán bằng 6% số tiền chậm thanh toán (tối thiểu 80.000 đồng), phí vượt hạn mức là 0,075%/ngày (tối thiểu là 50.000 đồng)...

Hiện nay Ngân hàng Nhà nước không quy định về lãi suất vay tối đa đối với các khoản tín dụng thẻ. Theo Bản Điều khoản và Điều kiện, các bên đã thỏa thuận: Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ (Điều 22); Chi tiết các loại phí được quy định trong Biểu phí của Sbank. Biểu phí là một phần không thể tách rời của Bản Điều khoản và Điều kiện (Điều 24). Do đó, đối với số tiền lãi trong hạn và các loại phí phát sinh trong thời gian thẻ tín dụng còn hiệu lực mà anh Long chưa trả, căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Điều 22, 24 Bản Điều khoản và

Điều kiện, cần buộc anh L phải hoàn trả Ngân hàng: số tiền lãi trong hạn là 3.873.796 đồng, phí trễ hạn 1.664.351 đồng, phí vượt hạn mức 253.659 đồng.

Đối với số tiền lãi quá hạn, Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh L phải hoàn trả 53.656.340 đồng (tính đến ngày xét xử). Do Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn là 39.999.868 đồng, nên cần xác định lại số tiền lãi quá hạn từ ngày 30/11/2018 đến ngày 28/10/2021 như sau: $39.999.868 \text{ đồng} \times [(2,15\% \times 150\%) / 30] \times 1063 \text{ ngày} = 45.708.849 \text{ đồng}$. Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Điều 23 Bản Điều kiện và Điều khoản, Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng Sbank, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP S, buộc anh L phải trả số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/10/2021 là: 47.041.844 đồng.

[6] Về án phí:

Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh Nguyễn Tuấn L phải hoàn trả tổng số tiền là: 99.595.692 đồng, nhưng chỉ được chấp nhận số tiền là: 91.500.523 đồng, nên căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xác định: Ngân hàng phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, anh L phải chịu án phí tính trên phần yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

- Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với anh Nguyễn Tuấn L.

2. Buộc anh Nguyễn Tuấn L phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến ngày 28/10/2021 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-9160 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) gồm:

- Nợ gốc: 39.999.868 đồng
- Lãi trong hạn 3.873.796 đồng
- Lãi quá hạn: 45.708.849 đồng
- Phí trễ hạn: 1.664.351 đồng
- Phí vượt hạn mức 253.659 đồng

Tổng cộng: 91.500.523 đồng (Chín mươi một triệu, năm trăm nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày 29/10/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Ngân hàng TMCP S phải chịu 405.000 đồng (bốn trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 1.989.000 đồng (một triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004121 ngày 23/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, được trả lại số tiền là 1.584.000 đồng (một triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Tuấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.575.000 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện Ngân hàng TMCP S, vắng mặt anh Nguyễn Tuấn L. Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Tuấn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

* Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thủy

